

**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2007/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh
và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

*Căn cứ Bộ luật hàng hải Việt Nam
ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông
vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP
ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính
phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng
hải;*

*Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân
tỉnh Quảng Ninh tại Công văn số 3584/
UBND-GTBD ngày 29 tháng 9 năm 2006
và Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng
Ninh tại Công văn số 1969/GTVT-VTCN
ngày 11 tháng 10 năm 2006;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp
chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt
Nam,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Nay công bố vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh, bao gồm:

a) Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng của các cảng biển sau đây:

- Cảng biển Hòn Gai: Bến cảng khách Hòn Gai, bến cảng tổng hợp Cái Lân, bến cảng Xăng dầu B12, Nhà máy đóng tàu Hạ Long;

- Cảng biển Cẩm Phả: Bến cảng Than Cẩm Phả;

- Cảng biển Mũi Chùa: Bến cảng Mũi Chùa;

- Khu chuyên tải Vạn Gia.

b) Vùng nước của luồng cảng biển, luồng nhánh cảng biển, vùng đón trả hoa

tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão thuộc các cảng biển quy định tại điểm a khoản này.

2. Vùng nước trước cầu cảng, bến cảng, vùng neo đậu, khu tránh bão, khu chuyển tải khác được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh tính theo mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Cảng biển Hòn Gai: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ sau đây:

- HG1: 20°57'32" N, 107°03'19" E;
- HG2: 20°52'40" N, 107°03'18" E;
- HG3: 20°52'07" N, 107°04'46" E;
- HG4: 20°51'44" N, 107°05'40" E;
- HG5: 20°51'25" N, 107°05'54" E;
- HG6: 20°49'56" N, 107°06'36" E;
- HG7: 20°48'58" N, 107°07'27" E;
- HG8: 20°48'17" N, 107°07'54" E;
- HG9: 20°47'03" N, 107°08'14" E;
- HG10: 20°46'18" N, 107°08'29" E;
- HG11: 20°45'24" N, 107°08'52" E;
- HG12: 20°44'31" N, 107°09'21" E;
- HG13: 20°42'36" N, 107°09'20" E;

HG14: 20°42'36" N, 107°11'20" E;

HG15: 20°44'23" N, 107°11'19" E;

HG16: 20°46'48" N, 107°10'22" E;

HG17: 20°47'39" N, 107°09'59" E;

HG18: 20°50'30" N, 107°08'52" E;

HG19: 20°51'38" N, 107°07'31" E;

HG20: 20°52'22" N, 107°06'19" E;

HG21: 20°56'16" N, 107°04'16" E;

HG22: 20°56'48" N, 107°04'14" E;

chạy dọc theo bờ phía Tây Nam Hòn Gai đến chân cầu Bãi Cháy phía Hòn Gai, nối với điểm HG23;

HG23: 20°57'33" N, 107°03'46" E;

HG24: 20°58'24" N, 107°04'06" E;

HG25: 20°58'48" N, 107°04'06" E;

HG26: 20°59'30" N, 107°04'42" E;

HG27: 20°59'30" N, 107°01'46" E;

HG28: 20°58'36" N, 107°01'46" E;

chạy dọc bên cảng Nhà máy đóng tàu Hạ Long đến bến cảng tổng hợp Cái Lân, Xăng dầu B12, chân cầu Bãi Cháy phía Bãi Cháy, nối với điểm HG1.

2. Cảng biển Cẩm Phả: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm có tọa độ sau đây:

CP1: 21°01'04" N, 107°21'33" E;

CP2: 20°59'58" N, 107°21'48" E;

CP3: 20°59'24" N, 107°21'25" E;
CP4: 20°59'16" N, 107°21'20" E;
CP5: 20°58'58" N, 107°20'31" E;
CP6: 20°58'48" N, 107°18'56" E;
CP7: 20°58'54" N, 107°18'18" E;
CP8: 20°58'42" N, 107°17'18" E;
CP9: 20°58'34" N, 107°16'56" E,
chạy dọc theo mép phía Nam hòn Ót đến
điểm CP10;

CP10: 20°58'28" N, 107°16'42" E;

CP11: 20°58'25" N, 107°15'48" E;

CP12: 20°57'02" N, 107°15'04" E;

CP13: 20°52'10" N, 107°14'55" E;

CP14: 20°48'34" N, 107°16'09" E;

Từ điểm CP14 nối bằng các đoạn
thẳng đến các điểm HG15, HG12, HG13,
HG14 và nối đến điểm CP15;

CP15: 20°48'16" N, 107°20'20" E,
chạy dọc theo mép phía Tây đảo Ngọc
Vừng đến điểm CP16;

CP16: 20°51'14" N, 107°19'44" E;

CP17: 20°52'33" N, 107°19'30" E,
chạy dọc theo mép phía Tây đảo Vạn
Cảnh đến điểm CP18;

CP18: 21°53'44" N, 107°19'36" E;

CP19: 21°54'20" N, 107°20'04" E;

CP20: 20°54'22" N, 107°20'27" E,
chạy dọc theo mép phía Bắc đảo Đông
Chén đến điểm CP21;

CP21: 20°56'39" N, 107°24'54" E;

CP22: 20°58'59" N, 107°22'52" E;

CP23: 21°00'18" N, 107°22'28" E;

CP24: 21°01'42" N, 107°22'28" E;

CP25: 21°02'03" N, 107°22'07" E;

CP26: 21°01'55" N, 107°21'54" E,
chạy dọc bên cảng Cẩm Phả nối với
điểm CP1.

3. Cảng biển Mũi Chùa: được giới
hạn bởi đường thẳng cắt ngang sông
Tiên Yên cách mép cầu cảng 300 mét về
phía thượng lưu, chạy dọc theo bờ sông
và đường thẳng song song với cầu cảng
cách mép ngoài cầu cảng 300 mét đến
đường thẳng cắt ngang sông cách mép
cầu cảng 300 mét về phía hạ lưu.

4. Khu chuyển tải Vạn Gia: được giới
hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm sau
đây:

VG1: 21°21'54" N, 107°49'23" E;

VG2: 21°20'00" N, 107°50'38" E;

VG3: 21°19'30" N, 107°49'24" E;

VG4: 21°22'18" N, 107°48'36" E;

VG5: 21°24'00" N, 107°54'30" E;

VG6: 21°24'38" N, 108°01'00" E;

VG7: 21°22'18" N, 108°01'00" E;

VG8: 21°22'18" N, 107°59'56" E;

VG9: 21°23'51" N, 107°59'59"E, chạy dọc theo bờ phía Bắc đảo Vĩnh Thực nối với điểm VG1.

Điều 3. Vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão cho tàu thuyền vào, rời các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh được quy định như sau:

1. Vùng đón trả hoa tiêu và vùng kiểm dịch:

a) Cảng biển Hòn Gai:

- Cho tàu thuyền khi thời tiết bình thường: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 0,4 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 20°43'24" N, 107°10'18" E;

- Cho tàu thuyền khi thời tiết xấu: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,25 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 20°49'00" N, 107°08'06" E;

- Cho tàu thuyền Việt Nam có trọng tải đến 5.000 DWT: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,4 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 20°52'30" N, 107°04'54" E.

b) Cảng biển Cẩm Phả:

- Cho tàu thuyền khi thời tiết bình thường: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn bán kính 0,4 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 20°43'24" N, 107°10'18" E;

- Cho tàu thuyền khi thời tiết xấu: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 20°49'12" N, 107°17'00"E;

- Cho tàu thuyền Việt Nam có trọng tải đến 5.000 DWT: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,3 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 20°57'42" N, 107°20'18" E.

c) Cảng biển Mũi Chùa: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,4 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 21°15'05" N, 107°40'51" E.

d) Khu chuyển tải Vạn Gia: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,5 hải lý, với tâm tại vị trí có tọa độ: 21°22'48" N, 108°00'30" E.

2. Khu neo đậu, khu chuyển tải và khu tránh bão:

a) Cảng biển Hòn Gai:

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải trên 30.000 DWT với môn nước đến 9,5 mét tại các vị trí có tọa độ:

HL6: 20°56'42" N, 107°03'30" E;

HL7: 20°56'26" N, 107°03'34" E;

HL8: 20°56'12" N, 107°03'42" E.

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải trên 30.000 DWT với mớn nước trên 9,5m tại các vị trí có tọa độ:

HL11: 20°51'36" N, 107°07'06" E;

HL12: 20°51'42" N, 107°06'36" E;

HL15: 20°51'48" N, 107°06'12" E.

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải đến 30.000 DWT tại các vị trí có tọa độ:

HL1: 20°56'09" N, 107°04'00" E;

HL2: 20°56'28" N, 107°03'52" E;

HL3: 20°56'38" N, 107°03'50" E;

HL4: 20°56'48" N, 107°03'45" E;

HL5: 20°57'00" N, 107°03'42" E.

- Cho tàu chở hàng nguy hiểm tại vị trí HL9 có tọa độ: 20°52'50"N, 107°04'00" E.

- Cho tàu chở dầu có trọng tải đến 3.000 DWT chờ vào cảng Xăng dầu B12 tại vị trí HL10 có tọa độ: 20°58'00" N, 107°03'45" E.

- Cho tàu chở dầu có trọng tải trên 3.000 DWT chờ vào cảng Xăng dầu B12 tại các vị trí có tọa độ sau đây:

HL13: 20°50'46" N, 107°07'32" E;

HL14: 20°50'24" N, 107°07'40" E.

- Đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển Hải Phòng nhưng phải neo đậu, chuyển tải, tránh bão tại cảng biển Hòn Gai thì được thực hiện tại các vị trí HL2, HL3, HL4, HL5, HL11, HL12 và HL15. Việc chuyển tải của tàu thuyền vào cảng biển thuộc địa phận thành phố Hải Phòng tại các vị trí này phải chấm dứt trước ngày 31 tháng 12 năm 2009.

b) Cảng biển Cẩm Phả:

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải từ 20.000 DWT trở lên tại các vị trí có tọa độ sau đây:

HN1: 20°54'07" N, 107°16'18" E;

HN2: 20°54'30" N, 107°16'30" E;

HN3: 20°54'53" N, 107°16'45" E;

HN4: 20°55'15" N, 107°16'59" E;

HN5: 20°55'39" N, 107°17'18" E;

HN6: 20°55'58" N, 107°17'33" E;

HN7: 20°55'08" N, 107°17'35" E;

HN8: 20°55'25" N, 107°17'47" E;

HN9: 20°55'43" N, 107°17'58" E.

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải dưới 20.000 DWT tại các vị trí có tọa độ sau đây:

HN10: 20°55'26" N, 107°16'23" E;

HN11: 20°55'09" N, 107°16'12" E;

HN12: 20°54'48" N, 107°16'02" E;

HN13: 20°54'22" N, 107°15'46" E;

HN14: 20°53'36" N, 107°15'46" E;

HN15: 20°53'00" N, 107°16'12" E;

CO1: 20°57'06" N, 107°18'56" E;

CO2: 20°57'19" N, 107°19'20" E.

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải đến 10.000 DWT tại các vị trí có tọa độ sau đây:

CO4: 20°58'22" N, 107°21'22" E;

CO5: 20°58'45" N, 107°22'00" E;

CO6: 20°58'51" N, 107°22'18" E.

- Cho tàu chở dầu tại các vị trí có tọa độ sau đây:

HN16: 20°55'56" N, 107°16'30" E;

HN17: 20°57'00" N, 107°17'36" E;

HN18: 20°56'54" N, 107°17'09" E.

- Cho tàu chở hàng nguy hiểm tại vị trí có tọa độ sau đây:

CO3: 20°57'44" N, 107°19'55" E.

c) Cảng biển Mũi Chùa:

- Cho tàu chở hàng khô tại các vị trí có tọa độ sau đây:

VH1: 21°12'45" N, 107°37'43" E;

VH2: 21°13'00" N, 107°38'26" E;

VH3: 21°13'28" N, 107°38'50" E;

VH4: 21°13'27" N, 107°39'24" E.

- Cho tàu chở dầu và hàng nguy hiểm tại các vị trí có tọa độ sau đây:

VH5: 21°13'12" N, 107°32'43" E;

VH6: 21°12'48" N, 107°32'27" E;

VH7: 21°12'28" N, 107°32'52" E.

d) Khu vực chuyển tải Vạn Gia:

- Cho tàu chở hàng khô có trọng tải đến 10.000 DWT tại các vị trí có tọa độ sau đây:

VG12: 21°23'57" N, 107°57'09" E;

VG13: 21°23'55" N, 107°56'50" E;

VG14: 21°23'51" N, 107°56'39" E;

VG15: 21°23'45" N, 107°56'29" E;

VG16: 21°23'55" N, 107°56'27" E.

- Cho tàu chở dầu tại các vị trí có tọa độ sau đây:

VG10: 21°24'05" N, 107°57'46" E;

VG11: 21°24'00" N, 107°57'29" E;

Điều 4.

1. Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Bộ luật hàng hải Việt Nam và các văn bản pháp luật có liên

quan đối với hoạt động hàng hải trong vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh.

b) Căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền đón trả hoa tiêu, kiểm dịch, neo đậu, chuyển tải và tránh bão trong vùng nước quy định tại Điều 3 của Quyết định này, bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

2. Trách nhiệm phối hợp quản lý giữa Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh với Cảng vụ hàng hải Hải Phòng:

a) Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh có trách nhiệm căn cứ vào tình hình thực tế về thời tiết, sóng gió, mớn nước và trọng tải của tàu thuyền, chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền neo đậu, chuyển tải, tránh bão đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển Hải Phòng nhưng phải neo đậu, chuyển tải, tránh bão tại cảng biển Hòn Gai và thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải Hải Phòng.

b) Cảng vụ hàng hải Hải Phòng có trách nhiệm:

- Đề nghị Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh chỉ định vị trí cụ thể cho tàu thuyền neo đậu, chuyển tải, tránh bão;

- Thông báo cho Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh biết tên, quốc tịch, các thông số kỹ thuật chính và những thông tin cần thiết khác của tàu thuyền chậm nhất 02 giờ trước khi tàu thuyền đến ranh giới vùng nước cảng biển Hòn Gai;

- Thông báo cho Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh biết việc điều động tàu thuyền rời vị trí neo đậu, chuyển tải, tránh bão do Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh chỉ định để vào vùng nước cảng biển do mình quản lý chậm nhất 01 giờ trước khi tàu thuyền rời vị trí;

- Thực hiện thủ tục cho tàu vào, rời các vị trí HL2, HL3, HL4, HL5, HL11, HL12, HL15 để neo đậu, chuyển tải, tránh bão.

Điều 5. Ngoài phạm vi vùng nước các cảng biển quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này, Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh còn có trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải trong vùng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh.

Điều 6.

1. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2790/2002/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về

vùng nước các cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực trách nhiệm của Cảng vụ Quảng Ninh và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 7. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sông Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh, Giám đốc Sở Giao thông

công chính thành phố Hải Phòng, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Quảng Ninh, Giám đốc Cảng vụ hàng hải Hải Phòng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Hồ Nghĩa Dũng